ngành di truyền và chọn giống cây trồng. Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

Trịnh Khắc Quang, Bùi Thị Hồng, 2012. Kết quả đánh giá, tuyển chọn một số giống hoa sen trồng chậu nhập nội. *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn* - tháng 12/2012, trang 119-123.

Daike Tian, Ken M. Tilt, Jeff L. Sibley, Floyd M. Woods, and Fenny Dane, 2009. Response of Lotus (*Nelumbo nucifera* Gaertn.) to Planting Time and Disbudding. *HortScience*, 44 (3): 656-659.

Zhongyuan Lin, Cheng Zhang, Dingding Cao, Rebecca Njeri Damaris and Pingfang Yang, 2019. The Latest Studies on Lotus (*Nelumbo nucifera*)-an Emerging Horticultural Model Plant. *International Journal of Molecular Sciences,* 13p [online]. https://scihub.wikicn.top/10.3390/ijms20153680.

Evaluation and selection of lotus varieties in Vietnam

Bui Thi Hong Nhuy, Nguyen Thi Hong Nhung,
Dang Van Dong, Bui Thi Hong, Nguyen Van Tinh

Abstract

The result of evaluation of 15 lotus varieties collected from around the country and introduced from oversea showed that that all varieties grew well under the experimental conditions. The studied lotus varieties were divided into 4 main groups and the promising varieties were identified in each group: Variety No. Sh-002 and Sh-018 were used for pond-planted ornamental purpose; Sh-008, Sh-009 and Sh-014 for pot-planted ornamental purpose; Sh-006 and Sh-007 for collecting seeds for foodstuffs; Sh-001 and Sh-003 for collecting flowers for flavoring (lotus-flavored tea). The promising varieties are being studied in the next stages and propagated for mass production in the coming time.

Keywords: Lotus, evaluation, selection

Ngày nhận bài: 12/9/2020
Ngày phản biện: 21/9/2020
Người phản biện: TS. Vũ Thanh Hải
Ngày duyệt đăng: 24/9/2020

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM MỘT SỐ GIỐNG ĐÀO NHẬP NỘI TRIỂN VỌNG TẠI XÃ CÔNG SƠN, HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

Lê Thị Mỹ Hà[1], Nguyễn Thị Tuyết[1], Hoàng Thị Hoài[1]

TÓM TẮT

Vùng núi Mẫu Sơn (Lạng Sơn) được coi là nơi du lịch nổi tiếng với cảnh quan hấp dẫn, khí hậu mát mẻ cùng với một số đặc sản truyền thống trong đó có cây đào. Để làm phong phú thêm sản vật cho vùng du lịch Mẫu Sơn, song song với việc khôi phục giống đào bản địa Mẫu Sơn, việc nghiên cứu bổ sung một số giống đào nhập nội triển vọng là rất cần thiết. Trong thời gian 2018 - 2020, Viện Nghiên cứu Rau quả đã tiến hành khảo nghiệm một số giống đào nhập nội Nectarin, A2-2-29, B115 tại xã Công Sơn, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Kết quả cho thấy các giống đào nhập nội thử nghiệm đều thích hợp với sinh thái vùng trồng; sinh trưởng và phát triển tốt; sau 2 năm trồng đã ra hoa với tỷ lệ đậu quả khá cao (3,17 - 3,60%), cao hơn đáng kể so với giống đào Mẫu Sơn (trên dưới 2,4%). Năng suất vụ bói của giống A2-2-29 đạt 1,52 kg/cây; giống B115 đạt 1,4 kg/cây, thấp nhất là giống Nectarin (0,96 kg/cây) trong lúc giống Mẫu Sơn đạt 1,25 kg/cây. Các giống đào nhập nội cho thu hoạch quả từ 29/4 đến 7/5, sớm hơn so với giống đào Mẫu Sơn khoảng 2 tháng.

Từ khóa: Đào nhập nội, thử nghiệm, sinh trưởng, Cao Lộc, Lạng Sơn

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cây Đào (*Prunus persica*), cây ăn quả lâu năm có tập tính rụng lá vào mùa đông, được trồng trọt chủ yếu ở các nước ôn đới ấm, á nhiệt đới như Trung Quốc, Mỹ, Italy, Pháp, Nhật, Achentina… (Vũ Công Hậu, 1996). Ở nước ta, đào được trồng nhiều ở các tỉnh Lào Cai, Sơn La, Lai Châu, Hà Giang, Lạng Sơn (Hoàng Ngọc Đường và *ctv.,* 1996; Lê Đức Khánh, 2005). Ngoài bộ phận quả sử dụng trong ăn tươi, hoa đào còn được người dân miền Bắc Việt Nam coi là biểu tượng của mùa xuân, trưng bày và thưởng thức vào dịp Tết Nguyên đán.

[1] Viện Nghiên cứu Rau Quả

Những năm gần đây một số giống đào Nectarin, A2-2-29, B115 đã được nhập về trồng khảo nghiệm cho kết quả tốt ở các địa phương như Tràng Định, Lạng Sơn, Bắc Hà - SaPa, Mộc Châu - Sơn La, Đồng Văn - Hà Giang (Đỗ Sỹ An và *ctv.*, 2017; Vũ Mạnh Hải và *ctv.,* 2016).

Lạng Sơn nổi tiếng với sản phẩm đào Mẫu Sơn với nhiều đặc điểm quý như: quả to, thịt quả màu vàng, phần thịt giáp hạt có màu đỏ, cùi giòn, vị ngọt thanh. Đào Mẫu Sơn thường ra hoa sau Tết Nguyên đán và thu hoạch vào tháng 7 hàng năm. Nghiên cứu này của chúng tôi nhằm mục đích chọn lọc giống phù hợp, bổ sung vào cơ cấu giống đào nói riêng và cây ăn quả nói chung của tỉnh, đa dạng hóa sản phẩm, kéo dài thời gian thu hoạch, làm tăng hiệu quả kinh tế cho người dân địa phương.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

- Các giống đào A2-2-29; B115 nhập nội từ Đài Loan; giống Nectarin nhập nội từ Úc.

- Giống đào địa phương: Đào Mẫu Sơn (giống đối chứng).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp bố trí thí nghiệm

- Quy mô: 02 ha (đào Mẫu Sơn 01 ha (500 cây); đào nhập nội 01 ha (500 cây, cụ thể 200 cây đào A2-2-29; 180 cây đào B115; 120 cây đào Nectarin).

- Thiết kế mô hình: Các giống đào được bố trí trên sườn đồi núi theo đường đồng mức. Mật độ trồng: 4 m × 5 m (tương ứng 500 cây/ha).

+ Đào hố, bón lót: Đào hố kích thước 0,8 m × 0,8 m × 0,8 m. Bón lót cho mỗi hố 10 kg phân hữu cơ + 3 kg phân vi sinh + 1 kg super lân + 1 kg vôi bột.

+ Thời vụ trồng: Trồng 15 - 16/6/2018.

+ Chăm sóc: theo quy trình của Viện Nghiên cứu Rau quả.

2.2.2. Các chỉ tiêu và phương pháp theo dõi

- Chiều cao cây (m); Đường kính tán (m); Đường kính gốc (cm).

- Kích thước các đợt lộc: Chiều dài (cm), đường kính (cm), số lá/cành lộc (lá).

- Thời gian ra hoa, nở rộ, kết thúc nở hoa, thời gian thu hoạch.

- Tỷ lệ cành ra hoa (%) = (Số cành lộc ra hoa/Số cành lộc theo dõi) × 100.

- Tỷ lệ đậu quả (%) = (Số quả đậu/số hoa theo dõi) × 100.

- Các yếu tố cấu thành năng suất, năng suất cá thể (kg/cây).

- Các chỉ tiêu về quả: Khối lượng quả, Chiều cao quả; Đường kính quả, độ Brix.

- Tỷ lệ phần ăn được (%) = (Khối lượng thịt quả/ Khối lượng quả) × 100.

- Thành phần sâu bệnh chính và mức độ gây hại.

Các chỉ tiêu theo dõi được theo dõi trên 10 cây/ 1 giống/1 lần nhắc tùy thuộc vào các chỉ tiêu theo dõi khác nhau.

2.2.3. Xử lý số liệu

Số liệu đươc tính toán và xử lý bằng phần mềm Excel và IRRISTAT 5.0.

2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 6 năm 2018 đến tháng 8 năm 2020 tại xã Công Sơn, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khả năng sinh trưởng của các giống đào nhập nội trồng tại xã Công Sơn, huyện Cao Lộc

Bảng 1. Khả năng sinh trưởng của các giống đào nhập nội

Chỉ tiêu / Giống đào	Sau trồng 6 tháng			Sau trồng 12 tháng			Sau trồng 18 tháng			Sau trồng 24 tháng		
	CC cây (cm)	*ĐK tán (cm)*	*ĐK gốc (cm)*	*CC cây (cm)*	*ĐK tán (cm)*	*ĐK gốc (cm)*	*CC cây (cm)*	*ĐK tán (cm)*	*ĐK gốc (cm)*	*CC cây (cm)*	*ĐK tán (cm)*	*ĐK gốc (cm)*
Mẫu Sơn	115,6	135,4	1,6	135,1	145,2	2,25	167,6	153,4	2,38	179,3	168,5	6,78
Nectarin	110,5	111,7	1,1	130,3	123,3	1,72	153,7	150,6	2,04	170,2	165,5	6,10
A2-2-29	99,5	122,6	1,3	131,4	131,9	1,83	158,1	154,2	2,03	168,5	165,2	5,85
B115	104,3	126,7	1,1	127,6	139,8	1,75	156,7	150,4	2,13	167,1	166,4	6,11
$LSD_{0,05}$	*2,1*	*2,28*	*0,7*	*1,45*	*1,94*	*0,68*	*1,83*	*1,3*	*0,1*	*1,61*	*2,25*	*0,51*
CV (%)	*9,0*	*7,9*	*10,8*	*9,6*	*7,7*	*11,8*	*9,6*	*8,4*	*9,4*	*10,5*	*9,7*	*7,2*

Ghi chú: Thời gian trồng 15 - 16/6/2018; Thời gian theo dõi 9/2018; 12/2018; 6/2019; 12/2019; 6/2020.

Kết quả bảng 1 cho thấy: Các giống đào nhập nội đều có khả năng sinh trưởng tốt trong điều kiện sinh thái huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Sau 2 năm trồng chiều cao cây đạt 167,1 - 170,2 cm, đường kính tán 165,2 - 166,4 cm, đường kính gốc 5,85 - 6,11 cm và giữa các giống nhập nội không có sai khác ở tất cả thời gian theo dõi. Giống đào địa phương Mẫu Sơn sinh trưởng tốt hơn các giống đào nhập nội, chiều cao cây 179,3 cm; đường kính tán 168,5 cm; đường kính gốc 6,78 cm.

3.2. Thời gian xuất hiện, kích thước các đợt lộc của các giống đào trồng tại xã Công Sơn huyện Cao Lộc

Nhận xét từ bảng 2: các giống đào đều có 3 đợt lộc/năm. Lộc xuân xuất hiện sau khi kết thúc nở hoa, sớm hay muộn phụ thuộc vào thời gian nở hoa và thời tiết hàng năm. Năm 2019 thời tiết ấm, hoa nở sớm và lộc xuân cũng xuất hiện sớm hơn năm 2020 trên tất cả các giống đào trồng mới.

Các giống đào nhập nội có thời gian xuất hiện các đợt lộc (xuân, hè, thu) sớm hơn so với giống đào Mẫu Sơn. Cụ thể: Lộc xuân từ 12 - 13 ngày, lộc hè từ 7 - 9 ngày, lộc thu từ 4 - 6 ngày (năm 2019). Tương tự năm 2020, lộc xuân từ 21 - 23 ngày, lộc hè từ 12 - 15 ngày, lộc thu từ 8 - 10 ngày.

Bảng 2. Thời gian xuất hiện các đợt lộc của các giống đào nhập nội

Chỉ tiêu / Giống đào	Lộc xuân			Lộc hè			Lộc thu		
	Ngày xuất hiện lộc	*Ngày lộc thành thục*	*Số ngày từ bắt đầu - kết thúc*	*Ngày xuất hiện lộc*	*Ngày lộc thành thục*	*Số ngày từ bắt đầu - kết thúc*	*Ngày xuất hiện lộc*	*Ngày lộc thành thục*	*Số ngày từ bắt đầu - kết thúc*
Năm 2019									
Mẫu Sơn	25 - 27/2	25 - 30/3	30 - 33	10 - 14/4	11 - 16/5	31 - 32	11 - 15/7	11 - 13/8	30 - 32
Nectarin	22 - 24/1	21 - 24/2	29 - 30	1 - 3/4	1 - 5/5	30 - 32	5 - 7/7	5 - 8/8	30 - 31
A2-2-29	23 - 24/1	25 - 27/2	32 - 33	3 - 5/4	1 - 4/5	27 - 29	7 - 10/7	6 - 8/8	29 - 30
B115	22 - 24/1	21 - 26/2	29 - 32	2 - 6/4	2 - 5/5	29 - 30	6 - 8/7	5 - 6/8	29 - 30
Năm 2020									
Mẫu Sơn	1 - 3/3	2 - 5/4	31 - 32	15 - 20/4	14 - 21/5	29 - 31	13 - 15/7	12 - 15/8	29 - 30
Nectarin	7 - 11/2	8 - 12/3	29 - 30	3 - 5/4	2 - 5/5	29 - 30	4 - 7/7	5 - 7/8	30 - 31
A2-2-29	8 - 10/2	11 - 12/3	31 - 32	3 - 6/4	1 - 5/5	29 - 30	3 - 7/7	5 - 8/8	30 - 31
B115	9 - 11/2	11 - 13/3	30 - 32	1 - 6/4	2 - 6/5	29 - 30	5 - 8/7	4 - 6/8	28 - 29

Nguồn: Số liệu thu thập năm 2019, 2020.

Bảng 3. Kích thước các đợt lộc của các giống đào nhập nội

Chỉ tiêu / Giống đào	Lộc xuân			Lộc hè			Lộc thu		
	Chiều dài lộc (cm)	*ĐK lộc (cm)*	*Số lá/lộc (lá)*	*Chiều dài lộc (cm)*	*ĐK lộc (cm)*	*Số lá/lộc (lá)*	*Chiều dài lộc (cm)*	*ĐK lộc (cm)*	*Số lá/lộc (lá)*
Năm 2019									
Mẫu Sơn	25,2	0,42	18,6	26,1	0,44	18,4	17,8	0,41	13,2
Nectarin	24,6	0,45	19,6	24,5	0,42	19,3	18,2	0,39	15,3
A2-2-29	24,3	0,4	18,7	25,7	0,47	20,5	19,6	0,41	15,8
B115	23,4	0,44	17,5	24,3	0,41	21,3	17,1	0,44	14,1
$LSD_{0,05}$	*4,0*	*0,43*	*1,84*	*4,0*	*0,74*	*2,3*	*3,3*	*0,6*	*1,9*
CV (%)	*8,3*	*9,1*	*11,0*	*8,0*	*8,5*	*7,9*	*9,8*	*7,5*	*10,4*
Năm 2020									
Mẫu Sơn	26,1	0,43	20,3	26,9	0,43	20,1	18,5	0,39	15,6
Nectarin	25,3	0,41	21,4	25,1	0,47	19,5	19,1	0,41	14,7
A2-2-29	26,5	0,42	19,5	25,8	0,44	21,3	18,2	0,39	13,9
B115	24,8	0,4	22,4	24,3	0,45	18,4	17,9	0,42	15,8
$LSD_{0,05}$	*4,0*	*0,56*	*4,1*	*5,1*	*0,43*	*5,7*	*5,7*	*0,12*	*3,9*
CV (%)	*9,0*	*7,8*	*11,3*	*11,5*	*9,6*	*10,6*	*8,9*	*11,4*	*12,0*

Thông thường các loại cây ăn quả sẽ xuất hiện 4 đợt lộc trong năm: lộc (xuân, hè, thu, đông) nhưng do cây đào có đặc tính rụng lá vào mùa đông, cây bước vào thời kỳ ngủ nghỉ, phân hóa mầm hoa để chuẩn bị cho vụ hoa của năm sau. Khả năng sinh trưởng các đợt lộc của các giống đào nhập nội là tương đối tốt, thể hiện tính thích ứng cao với điều kiện khí hậu, thời tiết tại huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Các đợt lộc (xuân, hè, thu) sinh trưởng tương đối đồng đều, chiều dài lộc, đường kính lộc, số lá/lộc của các giống đào không có sự khác biệt nhiều, cụ thể:

Lộc xuân và lộc hè sinh trưởng khỏe: Chiều dài lộc trung bình từ 23,4 - 26,9 cm, số lá/lộc trung bình 18,4 - 22,4 lá. Lộc thu có chiều dài cành nhỏ hơn, số lá/lộc cũng ít hơn so với lộc xuân và lộc hè.

3.3. Khả năng ra hoa, tỷ lệ đậu quả và năng suất của các giống đào trồng tại xã Công Sơn huyện Cao Lộc

Thời điểm nở hoa của các giống đào phụ thuộc vào đặc điểm di truyền từng giống và điều kiện thời tiết nơi trồng, các giống đào nhập nội Nectarin, A2-2-29 và giống B115 có thời gian nở hoa sớm hơn so với giống đào Mẫu Sơn khoảng từ 25 - 28 ngày. Thời gian bắt đầu nở hoa, kết thúc nở hoa của các giống đào nhập nội chênh lệch nhau không đáng kể (chỉ 1 - 3 ngày). Năm 2019 do thời tiết ấm nên thời gian ra hoa của các giống đào sớm hơn năm 2020.

Bảng 4. Thời gian xuất hiện, nở rộ và kết thúc nở hoa của các giống đào nhập nội

TT	Tên giống	Năm 2019			Năm 2020		
		Thời gian hoa bắt đầu nở	*Thời gian hoa nở rộ*	*Thời gian kết thúc nở hoa*	*Thời gian hoa bắt đầu nở*	*Thời gian hoa nở rộ*	*Thời gian kết thúc nở hoa*
1	Mẫu Sơn	10 - 12/2	17 - 20/2	23 - 27/2	23 - 25/2	1 - 3/3	7 - 10/3
2	Nectarin	13 - 16/1	20 - 23/1	27 - 30/1	28 - 30/1	5 - 7/2	12 - 14/2
3	A2-2-29	15 - 18/1	22 - 25/1	29/1 - 2/2	26 - 29/1	3 - 5/2	10 - 12/2
4	B115	13 - 17/1	20 - 24/1	27/1 - 1/2	27 - 30/1	4 - 6/2	10 - 12/2

Bảng 5. Khả năng ra hoa, tỷ lệ đậu quả của các giống đào nhập nội (năm 2020)

Chỉ tiêu / Giống đào	Số cành lộc ra hoa/ cây (cành)	Tỷ lệ cành ra hoa		Tổng số hoa/cành (hoa)	Số quả đậu/cây	Tỷ lệ đậu quả	
		(%)	*Arcsin*			*(%)*	*Arcsin*
Mẫu Sơn	35,4	84,9	67,13	29,2	24,8	2,40	8,91
Nectarin	30,4	82,6	65,35	22,1	23,4	3,17	10,26
A2-2-29	35,2	89,1	70,72	25,4	31,7	3,54	10,84
B115	34,1	84,8	67,05	22,2	27,3	3,60	10,94
$LSD_{0,05}$	*1,28*		*4,5*		*1,4*		*1,21*
CV (%)	*7,9*		*8,3*		*9,6*		*10,5*

Số liệu trình bày ở bảng 5 cho thấy, khả năng thích ứng với điều kiện sinh thái vùng Mẫu Sơn của các giống đào nhập nội là khá tốt, sau trồng 2 năm, cây sinh trưởng khỏe, đều ra hoa và bắt đầu cho bói quả. Trong đó, giống đào A2-2-29 có tỷ lệ cành ra hoa 89,1%, số quả đậu 31,7 quả/cây và tỷ lệ đậu quả cao nhất, khác biệt có ý nghĩa ở mức 5% so với các giống còn lại, thấp nhất là giống đào Nectarin: tỷ lệ cành ra hoa 82,6%, tỷ lệ đậu quả 3,17%, số quả đạt 23,4 quả/cây.

Giống đào Mẫu Sơn sinh trưởng tốt hơn so với các giống đào nhập nội nhưng lại có tỷ lệ đậu quả thấp nhất chỉ đạt 2,4%.

Số liệu trình bày ở bảng 6 cho thấy, giống đào nhập nội A2-2-29 có số quả lúc thu hoạch nhiều nhất và cho năng suất cao nhất (23,9 quả/cây,
1,52 kg/cây), giống đào Nectarin có giá trị thấp nhất cả về số lượng quả (16,7 quả/cây) và năng suất vụ bói (xấp xỉ 1 kg/cây), khác biệt có ý nghĩa so với các giống khác ở mức 5%.

Thời gian thu hoạch các giống đào nhập nội từ 29/4 - 07/5, sớm hơn so với giống đào mẫu Sơn khoảng 2 tháng. Điều này rất có ý nghĩa trong việc đa dạng sản phẩm, rải vụ, kéo dài thời gian thu hoạch, giảm sức ép về lao động và nâng cao hiệu quả kinh tế cho người dân địa phương.

Bảng 6. Các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của các giống đào nhập nội (năm 2020)

Chỉ tiêu / Giống đào	Số quả thu hoạch/cây (quả)	Khối lượng TB quả (gam)	Năng suất lý thuyết (kg/cây)	Năng suất thực thu (kg/cây)	Thời gian thu hoạch
Mẫu Sơn	19,4	67,6	1,31	1,25	4/7 - 11/7
Nectarin	16,7	60,2	1,01	0,96	29/4 - 7/5
A2-2-29	23,9	65,4	1,56	1,52	29/4 - 7/5
B115	22,3	64,7	1,44	1,40	29/4 - 7/5
$LSD_{0,05}$	*2,3*	*4,2*		*0,18*	
CV (%)	*11,5*	*10,6*		*7,1*	

Bảng 7. Một số chỉ tiêu cơ giới quả của các giống đào nhập nội (năm 2020)

Chỉ tiêu / Giống đào	Chiều cao quả (cm)	Đường kính quả (cm)	Độ dày cùi quả (cm)	Khối lượng cùi (g)	Tỷ lệ phần ăn được (%)	Brix (%)
Mẫu Sơn	5,5	4,3	1,7	50,22	74,3	12,1
Nectarin	5,1	4,1	1,5	44,82	72,8	11,2
A2-2-29	5,3	4,2	1,6	47,87	73,2	10,5
B115	5,3	4,2	1,6	46,90	72,5	10,1
$LSD_{0,05}$	*0,23*	*0,12*	*0,16*	*4,98*		*0,27*
CV (%)	*8,2*	*9,5*	*11,1*	*10,3*		*9,0*

Nguồn: Kết quả phân tích tại Bộ môn Sinh lý sinh hóa và Công nghệ sau thu hoạch - Viện Nghiên cứu Rau quả; đào Nectarin, đào A2-2-29, đào B115 phân tích ngày 3/5/2020; đào Mẫu Sơn phân tích ngày 11/7/2020.

Kết quả bảng 7 cho thấy khối lượng quả của 3 giống nhập nội nhỏ hơn giống đào Mẫu Sơn nên các chỉ tiêu về chiều cao quả, đường kính quả, độ dày cùi, khối lượng cùi, tỷ lệ phần ăn được thấp hơn so với giống đào Mẫu Sơn.

Các giống đào nhập nội chất lượng quả có vị ngọt, hơi chua, cùi giòn, brix đạt TB từ 10,1 - 11,2% thấp hơn chút ít so so với giống đào Mẫu Sơn (12,1%), quả có vị ngọt thanh.

3.4. Thành phần và mức độ phổ biến của một số sâu bệnh hại chính trên các giống đào trồng tại xã Công Sơn huyện Cao Lộc

Kết quả theo dõi 2 năm được tập hợp ở bảng 8. Nhận xét được rút ra là: hầu hết các giống đào bị nhiễm sâu bệnh hại ở mức độ nhẹ, không ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây với các đối tượng chủ yếu gồm: sâu ăn lá, bệnh xoăn lá, bệnh chảy gôm. Tuy nhiên đây mới là ở giai đoạn đầu chưa thấy xuất hiện đối tượng gây hại nguy hiểm, tiếp tục chăm sóc và theo dõi trong thời gian tới.

Bảng 8. Thành phần và mức độ phổ biến của một số sâu bệnh hại chính trên các giống đào nhập nội (2018 - 2020)

Tên sâu bệnh hại	Đào Mẫu Sơn	Đào A2-2-39	Đào B115	Đào Nectarin	Bộ phận bị hại	Thời gian gây hại
Sâu ăn lá	+	+	+	+	Lá	T3 – 7
Bệnh xoăn lá	+	+	+	+	Lá	T3 – 9
Bệnh chảy gôm	+	+	+	+	Cành, thân	T3 - 11

Ghi chú: (+): Xuất hiện ít, gây hại nhẹ từ 1 - 10%; (++): Xuất hiện, gây hại trung bình từ 11 - 50%; (+++): Xuất hiện nhiều, gây hại nặng > 50%.

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

4.1. Kết luận

- Các giống đào nhập nội có khả năng thích ứng với điều kiện sinh thái tại huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn thể hiện ở tình trạng sinh trưởng tốt, có khả năng ra hoa đậu quả sau 2 năm trồng, tỷ lệ đậu quả cao (3,17 - 3,6%), cao hơn so với giống đào Mẫu

Sơn (2,4%), năng suất vụ bói ở mức chấp nhận được (1,52 kg/cây với giống A2-2-29; 1,40 kg/cây ở giống B115 so với 1,25 kg/cây của giống đào địa phương Mẫu Sơn) riêng giống Nectarin năng suất tương đối thấp (0,96 kg/cây) cần được tiếp tục theo dõi và đánh giá.

- Quả của các giống đào nhập nội có vị ngọt, hơi chua, cùi giòn, brix đạt từ 10,1 - 11,2% thấp hơn chút ít so với giống Mẫu Sơn (12,1%)

- Các giống đào nhập nội có thời gian thu hoạch sớm hơn giống đào địa phương Mẫu Sơn khoảng 2 tháng, rất có ý nghĩa trong việc đa dạng hóa sản phẩm, rải vụ, kéo dài thời gian thu hoạch, góp phần nâng cao hiệu quả trồng trọt.

4.2. Đề nghị

Tiếp tục đánh giá các giống đào nhập nội để có kết luận đầy đủ và chính xác, làm cơ sở chọn lọc giống đào phù hợp bổ sung vào bộ giống cây ăn quả của tỉnh, mở rộng diện tích trồng mới các giống đào, nâng cao đời sống đồng bào người Dao, đồng thời tạo cảnh quan sinh thái hấp dẫn phục vụ phát triển du lịch vùng núi Mẫu Sơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Đỗ Sỹ An, Nguyễn Văn Nhất, Hoàng Thị Thu Thủy, Tạ Văn Thảo, Lê Quốc Doanh, và Nguyễn Văn Toàn, 2017. Nghiên cứu tuyển chọn và phát triển một số cây ăn quả ôn đới (hồng, lê, đào) ở phía Bắc. Báo cáo kết quả nghiên cứu tuyển chọn và khảo nghiệm giống đào FLORDAPRINCE.

Hoàng Ngọc Đường, Trần Như Ý, Đào Thanh Vân và Nguyễn Thị Phương Oanh, 1996. Nghiên cứu chọn giống và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật để phát triển cây ăn quả đặc sản ở vùng núi Đông Bắc - Việt Nam. Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, mã số B94-13-19-1996.

Vũ Mạnh Hải, Nguyễn Thế Yên, Lê Ngọc Lan, Lê Đức Khánh, Trần Văn Toàn, Đặng Đình Thắng, Lại Tiến Dũng, Đỗ Sỹ An, Nguyễn Văn Chương, Hoàng Thị Thu Thủy, Vũ Việt Hưng, Nguyễn Quốc Hùng, Đoàn Đức Hoàng và Ngô Hồng Quang, 2016. Đánh giá bước đầu về khả năng thích ứng của một số chủng loại cây ăn quả ôn đới nhập nội. Báo cáo tại *Hội thảo quốc gia về khoa học cây trồng lần thứ II*, 11-12/8/2016 tại Cần Thơ.

Vũ Công Hậu, 1996. *Trồng cây ăn quả ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Hà Nội.

Lê Đức Khánh, 2005. Thực trạng sản xuất cây ăn quả ôn đới ở các tỉnh miền núi phía Bắc và các giải pháp cải tạo, nâng cao chất lượng quả. Báo cáo tại hội thảo ứng dụng các TBKHCN cải tạo vườn tạp và nâng cao chất lượng vườn cây ăn quả, Hà Nội.

Testing result of promising peach cultivars in Cong Son commune, Cao Loc district, Lang Son province

Le Thi My Ha, Nguyen Thi Tuyet, Hoang Thi Hoai

Abstract

The Mau Sơn mountainous region (in Lang Son province) is considered as a well-known place for tourist with attractive landscape, cool climate and traditionally existed products including peaches. In order to enrich the products for Mau Son tourist area, in parallel with the restoration of the indigenous peach cultivar of Mau Son, additional research of some promising introduced peach cultivars is essential. In the period of 2018 - 2020, the Fruit and Vegetable Research Institute conducted evaluation of several introduced peach cultivars coded as Nectarin, A2-2-29, B115 in Cong Son commune, Cao Loc district, Lang Son province. The results showed that: all of three introduced peach cultivars were adapted to local ecological area; grew and developed well; flowering after 2 years of planting with high ratio of fruit setting (3.17 - 3.60%), significantly higher than the Mau Son peach cultivar (above 2.4%). The yield of the first year of A2-2-29 variety reached 1.52 kg/tree; B115 cultivar reached 1.4 kg/tree, the lowest one was recorded at Nectarin cultivar (0.96 kg/tree) while the Mau Son cultivar reached 1.25 kg/tree. The fruit harvesting time of introduced peach cultivars from April 29th to May 7th, about 2 months earlier than the Mau Son Son peach cultivar.

Keywords: Introduced peach cultivar, testing, growth, Cao Loc, Lang Son

Ngày nhận bài: 11/9/2020
Ngày phản biện: 18/9/2020
Người phản biện: GS.TS. Vũ Mạnh Hải
Ngày duyệt đăng: 24/9/2020